TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 95/2018/KDTM-ST
Ngày: 21/9/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thụy Đông Sương

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 66/2017/TLST-KDTM, ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2018/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2018/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh doanh V.

Địa chỉ : Số A, đường B, phường C, Quận 1, Tp.HCM.

Người đại diện theo ủy quyền : ông Nguyễn Văn H. – sinh năm 1962

Bị đơn : Công ty TNHH Kinh Doanh A.

Địa chỉ : Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Tp.HCM.

Người đại diện theo pháp luật : ông Trần Hoài N. – sinh năm 1983

(Tại phiên tòa, ông H. – có đơn xin vắng mặt, ông N. – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh doanh V. gọi tắt là công ty V. và Công ty TNHH Kinh Doanh A. gọi tắt là công ty A.**)**

Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2017, bản tự khai và các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người đại diện theo ủy quyền

của nguyên đơn Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh doanh V. có ông Nguyễn Văn H. trình bày: giữa công ty V. và Công ty A. có ký kết hợp đồng mua bán số 24-2012/HĐMB-C&T-KD1 ngày 01/01/2012 với nội dung Công ty V. cung cấp xi măng dùng trong xây dựng theo yêu cầu cụ thể của Công ty A. là Xi măng xá Holcim Ready Flow PCB 40, TCVN 6260-1997 và xi măng xá Tafico PCB 40, TCVN 6260-1997. Tại hợp đồng các bên thống nhất ký kết về phương thức thanh toán, lãi suất chậm trả phát sinh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã ký biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 31/5/2016 với số nợ tổng cộng là 26.093.835.208 đồng. Trong đó, nợ gốc là 15.820.533.674 đồng, lãi tính đến ngày 31/5/2016 là 10.273.301.534 đồng theo lãi suất 1%/tháng (mặc dù trong hợp đồng các bên ký thỏa thuận là 1.75%/tháng). Tuy nhiên sau đó, công ty A. không hợp tác, lẫn tránh và không trả tiền cho công ty V.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Công ty A. phải thanh toán một lần cho công ty V. ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền còn nợ theo biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 31/5/2016 với số nợ tổng cộng là 26.093.835.208 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất là 1%/tháng , tính trên số tiền nợ gốc là 15.820.533.674 đồng.

Bị đơn Công ty A. mặc dù đã tống đạt rất nhiều lần nhưng vẫn không có người đại diện đến.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty V. có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện của Công ty A. vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến tóm tắt như sau:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện ngày 17/8/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ nộp kèm theo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa nguyên đơn công ty V. và bị đơn công ty A. đã ký kết hợp đồng mua bán số 24-2012/HĐMB-C&T-KD1 ngày 01/01/2012 với nội dung Công ty V. cung cấp xi măng dùng trong xây dựng theo yêu cầu cụ thể của Công ty A. là Xi măng xá Holcim Ready Flow PCB 40, TCVN 6260-1997 và xi măng xá Tafico PCB 40, TCVN 6260-1997 dựa trên những nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại, được xác lập

bằng văn bản cụ thể đúng quy định theo Điều 11, Điều 24 Luật thương mại năm 2005. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa. Tại công văn số 84/KT ngày 25/01/2018 của Phòng kinh tế (bút lục số 82-83), công văn số 2121/UBND ngày 01/12/2017 của UBND phường Z, quận Tân Phú, Tp. HCM (bút lục số 80-81) và công văn số 606/ĐKKD - THKT ngày 24/01/2018 của Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 67) cho biết Công ty A. và người đại diện theo pháp luật của công ty A. ông Trần Hoài N. có đăng ký địa chỉ trụ sở chính của công ty A. và cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông N. tại Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] *Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:*

Công ty V. là nguyên đơn, Công ty A. là bị đơn là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty V. ông Nguyễn Văn H. có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bên cạnh đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty A. theo quy định tại Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng người đại diện của Công ty A. vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty V. và người đại diện của bị đơn Công ty A. theo quy định tại Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về các yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ hợp đồng mua bán số 24-2012/HĐMB-C&T-KD1 ngày 01/01/2012 với nội dung Công ty V. cung cấp xi măng dùng trong xây dựng theo yêu cầu cụ thể của Công ty A. là Xi măng xá Holcim Ready Flow PCB 40, TCVN 6260-1997 và xi măng xá Tafico PCB 40, TCVN 6260-1997 và bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2016 được ký kết giữa công ty V. và công ty A., Hội đồng xét xử nhận thấy giữa công ty V. và công ty A. đã xác lập hoạt động thương mại bằng văn bản cụ thể. Bị đơn công ty A. có người đại diện theo pháp luật ông Trần Hoài N. đã ký xác nhận đối chiếu công nợ ngày 31/5/2016 với công ty V. tổng số nợ là 26.093.835.208 đồng, trong đó nợ gốc là 15.820.533.674 đồng, lãi tính đến ngày 31/5/2016 là 10.273.301.534 đồng (cho tất cả các hóa đơn số 002678, 002697, 003093, 005321, 005658, 005659, 005660, 005661, 007191, 007625, 009824, 009812, 009837, 009837, 012173, 012174, 012187, 012229, 012230, 012252, 015325, 015583, 015584, 015586, 0001080, 0001081, 0001255, 0001256, 0001257, 0001290, 0001291, 0002989, 0002990, 0002991, 0009210, 0003228, 0005019, 0005022, 0005062, 0007479, 0007678, 0008563, 0008584, 0008862, 0008863, 0008884, 0009082, 0011270, 0011294, 0011300, 0011518, 0011517, 0013313, 0013347, 0014464, 0015758, 0015833, 0015875, 0017072, 0017072, 0017223, 0017292, 0017479, 0017543, 0001377, 0001389, 0001716,

0004118) theo lãi suất 1%/tháng. Căn cứ vào Điều 7 của hợp đồng mua bán số 24-2012/HĐMB-C&T-KD1 ngày 01/01/2012 ghi rõ "… mức lãi suất bên B (công ty V.) áp dụng là 1.75%/tháng…" (bút lục số 52) thì công ty V. tính lãi suất 1%/tháng là có lợi cho bị đơn công ty A. Căn cứ vào công văn số 52/Cv-TTH.18 ngày 27/6/2018 của Ngân hàng TMCP AC. (bút lục số 92) và công văn số 03-18/CV-TP ngày 27/6/2018 của Ngân hàng TMCP DA. về tham khảo lãi suất thì Công ty V. yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 01/6/2016 đến ngày xét xử theo lãi suất 1%/tháng trên tiền nợ gốc 15.820.533.674 đồng là 4.334.826.227 đồng là có cơ sở. Căn cứ Điều 50, Điều 55 Điều 306 Luật thương mại năm 2005, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty V.

[5] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*nguyên đơn công ty V. không phải nộp án phí, bị đơn công ty A. phải nộp theo quy định tại Luật Phí và Lệ phí 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 179, Điều 196, Điều 208, Điều 220, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11,Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 306 Luật Thương mại 2005; Luật Phí và Lệ phí 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh doanh V.

Buộc Công ty TNHH Kinh doanh A. phải thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2016 với tổng số nợ là 26.093.835.208 đồng và lãi chậm trả từ ngày 01/6/2016 đến ngày xét xử theo lãi suất 1%/tháng trên tiền nợ gốc 15.820.533.674 đồng là 4.334.826.227 đồng.

Thời hạn thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 306 Luật thương mại năm 2005.

- Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: bị đơn Công ty TNHH Kinh doanh A. phải nộp số tiền 138.428.661 (một trăm ba mươi tám triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi mốt) đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần Xây Dựng và Kinh doanh V. số tiền 67.919.288 (sáu mươi bảy triệu chín trăm mười chín nghìn hai trăm tám mươi tám) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0009841 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

Nguyễn Thị Thanh Hiển